

Bản án số: 25 /2024/HSST
Ngày: 31-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

2/ Ông Thái Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 316/2023/HSST, ngày 28 tháng 12 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HS ngày 18/01/2024 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Nguyễn Thị Thu H1 (tên gọi khác: C), sinh năm 1986, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 112, tỉnh lộ 7, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nội trợ; Con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị S; Anh chị em ruột có 06 người kể cả bị cáo; Bị cáo có chồng tên Võ Thanh T, và có 01 con sinh năm 2005.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/5/2020, bị Công an huyện Củ Chi xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và có mặt tại phiên tòa.

Có người bào chữa: Luật sư Đồng Thanh T - Văn phòng Luật sư Đồng Thanh, thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số 49, C, phường 15, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Họ và tên: Trần Văn H (tên gọi khác: Thuận G), sinh năm 1983, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3B, đường 682, tổ 08, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Chăn nuôi;

Con ông Trần Văn H và bà Phạm Thị K; Anh chị em ruột có 07 người kể cả bị cáo; Bị cáo có vợ Lê Bích T và có 02 con lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2010.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Phạm Minh H2, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 140, tỉnh lộ 7, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

2/ Ông Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 65/1, tỉnh lộ 7, tổ 01, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

3/ Ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 84A, tỉnh lộ 7, tổ 02, ấp Bình Hạ Đông, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

4/ Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu, sinh năm 1995; Địa chỉ: Tỉnh lộ 7, tổ 03, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

5/ Ông Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 04, đường P, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Phạm Minh H2 và Trần Văn H, Nguyễn Thị Thu H1 cùng sinh sống tại ấp Bình Hạ Đông, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh và có mối quan hệ quen biết nhau.

Khoảng tháng 10/2022, ông H2 có vay mượn của H số tiền 325.000.000 đồng. H gọi cho ông Nguyễn Ngọc G (sinh năm: 1985; địa chỉ: Số 04, đường P, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh) để mượn 300.000.000 đồng thì ông G đồng ý. Ông G mang tiền đến đưa cho H 300.000.000 đồng. Sau đó, H mượn thêm của ông Nguyễn Ngọc T (sinh năm: 1978; địa chỉ: Số 51A, đường C, phường 17, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh) số tiền 25.000.000 đồng, rồi đưa cho ông Phạm Minh H2 vay 325.000.000 đồng. Ông H2 thỏa thuận là trong 05 ngày sẽ trả lại tiền và gửi cho H 25.000.000 đồng tiền “cà phê”. Sau một thời gian, ông H2 vẫn không trả nợ nên H có gọi điện thoại và nhắn tin để đòi tiền. Đến ngày 16/12/2022, H nhắn tin xác nhận tổng tiền gốc và lãi sau 86 ngày là 758.000.000 đồng, H nói là giảm cho ông H2 28.000.000 đồng tiền lãi nên tổng cộng là còn 730.000.000 đồng, tương đương 4.709.302,33 đồng/1 ngày (1,449%/1 ngày). Ông H2 có chuyển khoản bằng tài khoản số 6120205928435 thuộc Ngân hàng Agribank mang tên Phạm Minh H2 cho H qua số tài khoản 11409317 thuộc Ngân hàng ACB mang tên Trần Văn H số tiền 300.000.000 đồng, tương đương tiền lãi của 63,7037 ngày và ghi chú là trả tiền lãi đã nợ trước đó. Còn lại tiền nợ gốc là 325.000.000 đồng và tiền lãi chưa trả là 105.000.000 đồng.

Số tiền lãi hợp pháp quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự mà H được nhận là $20\%/365 \text{ ngày} \times 325.000.000 \text{ đồng} \times 63,7037 \text{ ngày} = 11.344.495,2 \text{ đồng}$. Số tiền

lãi bất hợp pháp H hưởng từ việc cho vay tiền này là 300.000.000 đồng - 11.344.495,2 đồng = 288.655.504,8 đồng. H đã cho ông Phạm Minh H2 vay tiền lấy lãi suất 1,449%/1 ngày, tương đương 528,89%/01 năm (365 ngày), gấp 26,44 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính số tiền 288.655.504,8 đồng.

Ngoài ra, ngày 18/10/2022, ông H2 có vay mượn của Nguyễn Thị Thu H1 số tiền 50.000.000 đồng. Ông H2 và H1 có viết giấy nợ và thỏa thuận miệng tiền lãi là 20.000 đồng lãi/1.000.000đ vay/1 ngày, tương đương 02%/1 ngày. Khoảng 02 tháng sau, H1 nhắn tin xác nhận tiền lãi của 60 ngày là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Do H1 nhắn tin đòi tiền và trách móc liên tục nên ông H2 sử dụng tài khoản số 6120205928435 thuộc Ngân hàng Agribank mang tên Phạm Minh H2 chuyển khoản cho H1 qua tài khoản số 5701976280752 thuộc Ngân hàng Agribank số tiền 50.000.000 đồng là tiền lãi đã nợ trước đó. H1 nhắn tin xác nhận ông H2 còn nợ tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi còn nợ là 10.000.000 đồng.

Số tiền lãi hợp pháp quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự mà H1 được nhận là $20\%/365 \text{ ngày} \times 50.000.000 \text{ đồng} \times 50 \text{ ngày} = 1.369.863,01 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bất hợp pháp H1 hưởng từ việc cho vay tiền này là 50.000.000 đồng - 1.369.863,01 đồng = 48.630.136,99 đồng. H1 đã cho ông Phạm Minh H2 vay tiền lấy lãi suất 02%/1 ngày, tương đương 730%/01 năm (365 ngày), gấp 36,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS và thu lợi bất chính số tiền 48.630.136,99 đồng.

Quá trình điều tra, Trần Văn H và Nguyễn Thị Thu H1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu V2026 (thu của Minh H2);
- 01 điện thoại di động hiệu Huawei nova 3i (thu của Hoàng C);
- 01 điện thoại di động hiệu Redmi A1 (thu của Minh S);
- 01 điện thoại di động hiệu iphone 5s (thu của Cẩm T);
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A71 (thu của Thu H1);
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A23 màu xanh (thu của H);
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng (thu của Ngọc G).
- 01 ổ cứng lưu trữ.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS.CC ngày 25/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Củ Chi để xét xử bị cáo Trần Văn H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 và bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Quá trình tố tụng, và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt Nguyễn Thị Thu H1 từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Đề nghị truy thu đối với bị cáo H1 số tiền gốc là 50.000.000 đồng mà bị cáo sử dụng cho ông H2 vay và truy thu số tiền lãi là 1.369.863,01 đồng.

* Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt Trần Văn H từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định.

Đề nghị truy thu đối với bị cáo H số tiền gốc là 325.000.000 đồng mà bị cáo sử dụng cho ông H2 vay và truy thu số tiền lãi là 11.344.495,2 đồng.

* Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Trả cho Nguyễn Hoàng C 01 điện thoại di động hiệu Huawei nova 3i;
- Trả cho Nguyễn Minh S 01 điện thoại di động hiệu Redmi A1;
- Trả cho Nguyễn Thị Cẩm T 01 điện thoại di động hiệu iphone 5s;
- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu V2026 (thu của Nguyễn Minh H2), 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A71 (thu của Thu H1) và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A23 màu xanh (thu của H); 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng (thu của Ngọc G).
- Tiếp tục lưu trữ 01 ổ cứng.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên Tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố và không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên toà, bị cáo H khai: Bị cáo tự nguyện đồng ý nộp lại số tiền gốc là 325.000.000 đồng mà bị cáo sử dụng cho ông H2 vay và số tiền lãi là 11.344.495,2 đồng.

Tại phiên toà, bị cáo H1 khai: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đã ly hôn chồng 06 năm và 01 mình nuôi con ăn học. Bị cáo tự nguyện đồng ý nộp lại số tiền gốc là 50.000.000 đồng mà bị cáo sử dụng cho ông H2 vay và số tiền lãi là 1.369.863,01 đồng.

Tại phiên Toà, luật sư Đồng Thanh T bào chữa cho bị cáo H1 phát biểu: Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội và đề nghị áp dụng cho bị cáo Hà 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phù hợp. Tuy nhiên, Viện kiểm sát đề nghị xử phạt tiền bị cáo số tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng là quá nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H1. Do tại phiên toà bị cáo cũng đã tự nguyện đồng ý nộp lại số tiền gốc là 50.000.000 đồng mà bị cáo sử dụng cho ông H2 vay và số tiền lãi là 1.369.863,01 đồng; hoàn cảnh bị cáo H1 quá khó khăn là lao động chính của gia đình, hiện đã ly hôn chồng và đang trực tiếp nuôi con đang tuổi đi học.

Bị cáo Hà không tranh luận và không bào chữa gì thêm.

Tại phiên toà ông H2 trình bày: Hiện 02 bị cáo đã khắc phục hậu quả và trả lại cho ông số tiền lãi vượt quá quy định của nhà nước. Ông cũng đã trả lại số tiền nợ gốc cho bị cáo H2 và bị cáo H1. Tại phiên toà ông không có yêu cầu gì khác. Bản thân ông cũng không cố ý muốn bị cáo H và bị cáo H1 phải đi tù nhưng do lúc thiếu tiền, các bị cáo đòi ông quá nên ông túng quẫn mới làm đơn tố cáo H và H1 tới cơ quan công an. Ông cũng xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo.

Tại phiên Toà, ông G khai: Ông với bị cáo H là anh em thân thiết, ông xem H như người anh của mình, khi có việc gì là bị cáo H gọi cho ông. Ông cho bị cáo H mượn số tiền 300.000.000 đồng và hoàn toàn không lấy lãi, cho đến thời điểm này bị cáo H vẫn chưa trả đủ số tiền 300.000.000 đồng đã mượn. Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng mà công an thu giữ của ông, ông không yêu cầu nhận lại và đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung công quỹ.

Tại phiên toà, ông C khai: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Huawei nova 3i mà công an thu giữ của ông, ông yêu cầu được nhận lại.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng:

Bị cáo H1: Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo có hoàn cảnh quá khó khăn nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo H: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải về hành vi của mình mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

Trong tháng 10/2023, tại huyện Củ Chi, Trần Văn H và Nguyễn Thị Thu H1 đã có hành vi cho Phạm Minh H2 vay với lãi suất gấp 5 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, H thu lợi bất chính số tiền 288.655.504,8 đồng; H1 thu lợi bất chính số tiền 48.630.136,99 đồng.

Các bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật, mà vẫn thực hiện hành vi để thu lợi bất chính. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

theo khoản 2 Điều 201 và bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về hoạt động tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích tài chính của công dân, xâm phạm đến nếp sống văn minh trong cộng đồng dân cư và là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác; gây mất an ninh trật tự tại địa phương và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ cần áp dụng hình phạt phù hợp đối với các bị cáo mới để có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt cho xã hội và để bảo đảm đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Tuy nhiên, cần xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm trong hành vi và nhân thân của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

- Đối với bị cáo H1:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Đối với bị cáo H:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về nhân thân: Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; là lao động chính của gia đình đang phải trực tiếp nuôi 02 con trong độ tuổi đi học. Xét thấy, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù và quyết định áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định cũng đủ phát huy tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội; đồng thời cũng thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Việt Nam, giúp bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Huawei nova 3i; 01 điện thoại di động hiệu Redmi A1, 01 điện thoại di động hiệu iphone 5S; do không liên quan hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho Nguyễn Hoàng C, Nguyễn Minh S và Nguyễn Thị Cẩm T.

- Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng (thu của Nguyễn Ngọc G), G không nhận lại và tự nguyện nộp sung công quỹ nhà nước; 01 điện thoại di động hiệu Vivo V2026 (thu của Phạm Minh H2) liên quan hành vi phạm tội; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A71 (thu của Thu H1) và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A23 màu xanh (thu của H) là công cụ phương tiện thực hiện hành vi phạm tội; nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với: 01 ổ cứng, quyết định tiếp tục lưu trữ hồ sơ.

[7] Đối với lời bào chữa của Luật sư Đồng Thanh T cho bị cáo H1: Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Đối với Nguyễn Ngọc G: Bị cáo H khai rằng số tiền 300.000.000đ cho Hoàng vay là của Nguyễn Ngọc G, tiền lãi do bị cáo H lấy của H2 và sau đó đưa lại cho G. Tuy nhiên, Nguyễn Ngọc G chỉ thừa nhận có cho H mượn 300.000.000đ không lấy lãi và không thừa nhận có nhận tiền lãi từ H nên chưa có cơ sở xử lý G về hành vi liên quan; Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Củ Chi tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau; Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp.

[8] Xét cần buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 và Trần Văn H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[1.1] Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

[1.2] Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/01/2024).

Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo Hưng cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo H thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo H cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án.

[2] Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Truy thu bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 số tiền gốc là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 1.369.863 đồng (một triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Truy thu bị cáo Trần Văn H số tiền gốc là 325.000.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm triệu đồng) và số tiền lãi là 11.344.495 đồng (mười một triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng, Imei 1: 354481094274408, Imei 2: 354481099274403; 01 điện thoại di động hiệu V2026, số Imei: 860671053626799 & 860671053626781; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A71, Imei: 353408112141807 & 353409112141805; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A23 màu xanh, Imei 1: 354491510703245, Imei 2: 357022900703243.

- Trả lại cho ông Nguyễn Hoàng C 01 điện thoại di động hiệu Huawei nova 3i, Imei 1: 862966040739939, Imei 2: 862966040739939;

Trả lại cho ông Nguyễn Minh S 01 điện thoại di động hiệu Redmi A1, Imei: 861524064125484 & 861524064125492;

Trả lại cho Nguyễn Thị Cẩm T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, Imei: 355675074750829.

- Tiếp tục lưu hồ sơ 01 (một) ổ cứng lưu trữ.

Các vật chứng nêu trên được liệt kê tại Lệnh nhập kho vật chứng số 264/LNK-CSĐT-CSHS ngày 27/11/2023 và Phiếu nhập kho vật chứng số 264/PNK-CSĐT-CSHS ngày 27/11/2023 và của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Củ Chi.

[4] Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo; Áp dụng Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án đã niêm yết.

[6] Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo H tại phiên tòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Phòng PC 27;
- Các bị cáo;
- Lưu: Vp, hồ sơ. (20b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Xuân Lan

Củ Chi, ngày 02 tháng 8 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 02 tháng 8 năm 2019

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Thanh Thà
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Vĩnh Lộc
2. Bà Nguyễn Thị Nhiệm

Tiến hành nghị án vụ án hình sự thụ lý số 108/2019/HSST ngày 26/6/2019 về vụ án “Buôn bán hàng cấm” đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Quang Vinh, sinh ngày 14/3/1999; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Sóc 5, xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; Trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Nguyễn Đăng Quang và bà Lê Thị Cẩm Hồng; Bị cáo chưa có vợ, con; Anh chị em ruột có 02 người kể cả bị cáo; Tiền án: không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, bị bắt tạm giam ngày 17/7/2019, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Đào Châu Phong, sinh ngày 13/9/1998; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Cây Trôm, xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con bà Đào Thị Hoàng Tiên, Cha: Không xác định; Bị cáo có vợ Trương Thị Hồng Yến, sinh năm 2000 và có 01 con tên Đào Anh Khôi, sinh năm 2018; Tiền án: không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, bị bắt tạm giam ngày 17/7/2019, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC
VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Hội đồng xét xử đã thống nhất quyết định:

I. Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 190; Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;
- Áp dụng Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

II. Về nội dung:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang Vinh và bị cáo Đào Châu Phong phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang Vinh 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2019.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đào Châu Phong 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2019.

- Áp dụng Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy gồm:

- 15 bịch pháo lớn hình dạng giống quả bóng đá, đường kính 2,7cm (mỗi bịch 100 viên); 15 bịch pháo nhỏ hình dạng giống quả bóng đá, đường kính 02cm (mỗi bịch 100 viên).

- 01 vỏ thùng nước trà ô long Tesla.

- 01 vỏ thùng nước suối Lavie.

- 01 túi nilong màu đen.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước gồm:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobel S30, số Imei 510101600060577 và 01 điện thoại di động model LV118, số Imei: 842017118059100.

Các vật chứng nêu trên được liệt kê tại Phiếu nhập kho vật chứng số 29 ngày 15/01/2019 (BL48) và Phiếu nhập kho vật chứng số 16/PNK ngày 27/12/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi.

- Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Nguyễn Quang Vinh và bị cáo Đào Châu Phong mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Vinh và bị cáo Phong có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào lúc giờ ngày 02/8/2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

